

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TPNĐ
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 236/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2022
V/v ly hôn giữa chị Trần Thu H và
anh Nguyễn Đình Q

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TPNĐ - TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Hồng Hải

Ông Nguyễn Tiến Dũng

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lê Phương Thủy – Thư ký Toà án nhân dân TPNĐ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPNĐ tham gia phiên toà:** Bà Phạm Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân TPNĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thu H, sinh năm 1994; chứng minh nhân dân số 163228815; nơi cư trú: Số nhà 125 đường TB, phường LH, TPNĐ, tỉnh Nam Định (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Q, sinh năm 1984; hộ chiếu số 01436067; nơi cư trú: Số nhà 19 ĐNH, phường CB, TPNĐ, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 5 năm 2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường CB, TPNĐ vào ngày 22-11-2018. Sau khi kết hôn chị và anh Nguyễn Đình Q sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Nguyễn Đình Q không có trách nhiệm, không quan tâm, chăm sóc đến vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm

trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chỉ yêu cầu Tòa án giải Q cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Đình Q có 01 con chung là Nguyễn Tường D (giới tính: Nam), sinh ngày 26-6-2020. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị yêu cầu anh Nguyễn Đình Q cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) một tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải Q.

2. Tại bản tự khai ngày 09-6-2022, và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là anh Nguyễn Đình Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị Trần Thu H trình bày. Nay chị Trần Thu H đề nghị Tòa án giải Q cho vợ chồng ly hôn, anh muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con.

Về con chung: Anh nhất trí với phần trình bày của chị Trần Thu H về phần con chung. Nếu ly hôn, anh nhất trí chị Trần Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh nhất trí cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) một tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải Q.

3. Tại biên bản thu thập chứng cứ về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, đại diện tổ dân phố số 9, phường CB, TPND nơi anh Nguyễn Đình Q cư trú cung cấp:

Vợ chồng chị Trần Thu H và anh Nguyễn Đình Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường CB, TPND vào ngày 22-11-2018. Anh Q có đăng ký thường trú và cư trú tại: Số nhà 19 ĐNH, phường CB, TPND, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn chị H và anh Q có sinh sống tại địa phương một thời gian. Hiện tại chị H và con chung của anh chị là Nguyễn Tường D (giới tính: Nam), sinh ngày 26-6-2020 đã về nhà mẹ đẻ chị H sinh sống. Trong quá trình vợ chồng sinh sống tại địa phương: đại diện tổ dân phố không biết nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh Q và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPND tham gia phiên tòa có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải Q vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, chị Trần Thu H và anh Nguyễn Đình Q đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Ý kiến về việc giải Q vụ án: Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thu H. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử lý hôn giữa chị Trần Thu H và anh Nguyễn Đình Q. Về con chung: Giao cho chị Trần Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tường D (giới tính: Nam), sinh ngày 26-6-2020. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Đình Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị Trần Thu H và anh Nguyễn Đình Q không yêu cầu Tòa án giải Q. Án phí ly hôn sơ thẩm chị Trần Thu H phải nộp, án phí cấp dưỡng anh Nguyễn Đình Q phải nộp theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tranh chấp được giải Q trong vụ án:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thu H yêu cầu Tòa án giải Q cho ly hôn anh Nguyễn Đình Q, giải Q về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải Q về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Bị đơn là anh Nguyễn Đình Q không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Bị đơn là anh Nguyễn Đình Q đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng; nguyên đơn là chị Trần Thu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xử vắng mặt anh Nguyễn Đình Q và chị Trần Thu H.

[3] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

3.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thu H và anh Nguyễn Đình Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường CB, TPND vào ngày 22-11-2018. Như vậy hôn nhân giữa chị Trần Thu H và anh Nguyễn Đình Q là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chị Trần Thu H và anh Nguyễn Đình Q đều khai do anh Nguyễn Đình Q

không có trách nhiệm, không quan tâm, chăm sóc đến vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thu H và anh Nguyễn Đình Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thu H, xử ly hôn giữa chị Trần Thu H và anh Nguyễn Đình Q theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về nuôi con: Chị Trần Thu H và anh Nguyễn Đình Q có 01 con chung là Nguyễn Tường D (giới tính: Nam), sinh ngày 26-6-2020. Chị H và anh Q đều trình bày: Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, chị H sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Xét chị H có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Nguyễn Tường D cho chị Trần Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

2.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng:

Chị Trần Thu H và anh Nguyễn Đình Q thống nhất: Anh Q cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng kể từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Xét chị Trần Thu H là người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, mức cấp dưỡng phù hợp với khả năng kinh tế của anh Q, phù hợp với điều kiện sinh hoạt tại địa phương của con; Hội đồng xét xử xử buộc anh Nguyễn Đình Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng kể từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

2.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

Chị Trần Thu H và anh Nguyễn Đình Q không yêu cầu Tòa án giải Q nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Án phí Dân sự sơ thẩm:*

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV:

3.1. Án phí ly hôn sơ thẩm:

Chị Trần Thu H là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án chị Trần Thu H đã nộp được khấu trừ vào án phí.

3.2. Án phí cấp dưỡng:

Anh Nguyễn Đình Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải nộp án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV;

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thu H và anh Nguyễn Đình Q.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Trần Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Nguyễn Tường D (giới tính: Nam), sinh ngày 26-6-2020 sau khi vợ chồng ly hôn.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Đình Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng/tháng) kể từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi cháu Nguyễn Tường D đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

4. Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung.

5. Án phí ly hôn sơ thẩm chị Trần Thu H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005304 ngày 02-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TPND.

- Án phí cấp dưỡng anh Nguyễn Đình Q phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng)

6. Chị Trần Thu H và anh Nguyễn Đình Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự: Chị Trần Thu H và anh Nguyễn Đình Q có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án. Anh Nguyễn Đình Q có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. ND;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Chi cục Thi hành án Dân sự TP. ND;
- UBND phường CB, TP. Nam Định (Giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 22-11-2018)
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Mai Anh